

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số : 73 /2011 / BC-CAFICO.VN

Cam Ranh, ngày 31 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM.**
Năm báo cáo : 2010.

I. Lịch sử hoạt động của Công ty :

1. Những sự kiện quan trọng :

+ Việc thành lập :

Thành lập lần đầu ngày 17.1.1984 theo Quyết định số 91/UB-TC của UBND tỉnh Phú Khánh (nay là tỉnh Khánh Hòa).

Thành lập lại doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 372QĐ/UB ngày 26.02.1993 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

+ Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần : ngày 1 tháng 11 năm 2001 theo Quyết định số 797 QĐ/TTg ngày 02.07.2001 của Thủ tướng chính phủ.

+ Niêm yết : UPCoM.

+ Các sự kiện khác : Giấy chứng nhận ĐKKD và đăng ký thuế số 4200464415 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26.10.2001; đăng ký thay đổi lần 2 ngày 27 tháng 4 năm 2007 đổi tên công ty từ Công ty cổ phần Thủy sản Cam Ranh thành Công ty cổ phần Cafico Việt Nam; đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15 tháng 10 năm 2008 thay đổi vốn điều lệ thành 16.291.200.000 đồng; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13 tháng 5 năm 2009 thay đổi số đăng ký kinh doanh đồng nhất với mã số thuế (4200464415); đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 11 năm 2009 đăng ký các đơn vị trực thuộc Công ty; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 5 tháng 4 năm 2010 thay đổi tên tiếng Anh của Công ty “ Cafico Vietnam joint stock company” thành “ Cafico Vietnam corporation”; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 9 năm 2010 đăng ký văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 1 năm 2010 thay đổi địa phương thị xã Cam Ranh thành thành phố Cam Ranh.

2. Quá trình phát triển :

+ Ngành nghề kinh doanh :

Chế biến và kinh doanh thủy sản các loại; sản xuất và kinh doanh nước đá; kinh doanh các loại vật tư, nhiên liệu phục vụ đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản;

Kinh doanh nhà hàng; kinh doanh khách sạn; kinh doanh dịch vụ du lịch.

Lắp đặt các công trình điện lạnh công nghiệp và dân dụng.

Trong đó hoạt động chế biến và kinh doanh thủy sản là hoạt động chủ yếu.

+ Tình hình hoạt động :

Từ năm 1984 đến 2000 công ty là doanh nghiệp Nhà nước, sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, bảo đảm hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao.

Từ năm 2001 – 2008 : chuyển sang công ty cổ phần (100% vốn cổ đông), sản xuất kinh doanh hằng năm đạt hiệu quả, đặc biệt từ năm 2001-2008 cổ tức bình quân 20%.

Năm 2009 sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đã chi trả cổ tức cho cổ đông 35%.

Năm 2010 sản xuất kinh doanh có hiệu quả, mức cổ tức chi trả cho cổ đông 30%.

3. Định hướng phát triển :

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2011 :

Chỉ tiêu kế hoạch SXKD :

Tổng doanh thu : 150 tỷ VNĐ

Giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu : 09 triệu USD

Lợi nhuận(*tối thiểu*) : 05 tỷ VNĐ.

Cổ tức (*tối thiểu*) : 15% vốn Điều lệ

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

Tiếp tục đầu tư phát triển sản xuất theo hướng công nghiệp chế biến thủy sản. Từ nay đến năm 2015 tiếp tục sắp xếp, bố trí lại và đầu tư hợp lý hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc thiết bị nhằm bảo đảm ổn định, duy trì mức sản xuất và hiệu quả hợp lý hiện hữu, đồng thời tăng cường tích lũy về lượng để có thể phát triển nhanh hơn, biến đổi về chất vào những năm cuối giai đoạn 2010-2015 và đầu 2015-2020 .

Một số nhiệm vụ cụ thể:

Đầu tư ở quy mô hợp lý nhằm hợp lý hóa sản xuất, duy trì ổn định sản xuất: đầu tư ổn định, nâng cấp cho sản xuất, chế biến thủy sản; hợp lý hóa lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ nước đá; nghiên cứu và sử dụng mặt bằng tại nhà máy nước đá Ba Ngòi hiện nay khi có điều kiện.

Doanh số xuất khẩu phân đầu đạt bình quân hàng năm 7 triệu USD trở lên.

Duy trì và bảo đảm mức cổ tức bình quân hàng năm đạt 15% vốn điều lệ trở lên.

Cố gắng tích lũy để bảo đảm sự phát triển giai đoạn 2015 về sau.

Ngoài lĩnh vực chế biến thủy sản, khi có điều kiện thuận lợi Công ty sẽ đầu tư vào lĩnh vực khác như dịch vụ du lịch, nhà hàng khách sạn và lắp đặt các công trình điện lạnh công nghiệp và dân dụng, thực hiện kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị :

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

+ Lợi nhuận trước thuế : 11.198.885.012 VNĐ

+ Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm cuối năm :

- Tài sản : 44.025.685.363 VNĐ

- Nợ phải trả : 15.195.913.308 VNĐ
- Vốn chủ sở hữu : 28.829.769.055 VNĐ

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

- + Tổng doanh thu : 142.390.457.334 VNĐ, đạt 101,7% kế hoạch năm.
- + Giá trị kim ngạch XNK: 9.586.944 USD, đạt 106,5% kế hoạch năm.
- + Lợi nhuận : 11.198.885.012 VNĐ, đạt 279,9 % kế hoạch năm 2010.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm :

+ Tổng giá trị những khoản đầu tư trong năm còn dở dang : *(không có)*.

+ Thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới : *(không có)*.

4. Triển vọng và kế hoạch tương lai :

Ngoài thị trường truyền thống là Nhật Bản, Công ty tiếp tục tiếp cận các thị trường Châu Âu, Úc và Hàn quốc. Trong năm 2010 Công ty tiếp tục sản xuất gia công thêm mặt hàng tôm, đặc biệt là tôm thẻ chân trắng để bảo đảm giảm áp lực về vốn trong điều kiện lãi suất tăng đột biến, bảo đảm việc làm cho công nhân, giữ được nguồn nhân lực trong điều kiện kinh tế suy thoái.

III. Báo cáo của Ban giám đốc :

1. Báo cáo tình hình tài chính :

Các chỉ tiêu đánh giá tình hình hoạt động của Công ty

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Kỳ trước</i>	<i>Kỳ này</i>
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn / Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	31,68 68,32	29,15 70,85
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	43,08 56,92	34,52 65,48
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,49 2,32	0,33 2,90
4	Tỷ suất lợi nhuận - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	25,58 8,40 44,94	24,22 7,49 36,99

- Phân tích những biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động : *(không có)*

- Giá trị sổ sách tại thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo :
44.025.682.363 VNĐ
- Những thay đổi về vốn cổ đông : *(không có)*
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại :
Cổ phiếu phổ thông : 1.629.120
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại : *(không có)*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 1.629.120 cổ phiếu phổ thông .
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : *(không có)*.
- Cổ tức năm 2010 chia cho cổ đông : 30 % mệnh giá.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

DVT : đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2010</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.581.190.734
2. Các khoản giảm trừ	190.733.400
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.390.457.334
4. Giá vốn hàng bán	121.306.569.608
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.083.887.726
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.412.837.114
7. Chi phí tài chính	739.588.750
8. Chi phí bán hàng	3.513.651.645
9. Chi phí quản lý Công ty	7.056.866.674
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.186.617.771
11. Thu nhập khác	58.476.765
12. Chi phí khác	46.209.524
13. Lợi nhuận khác	12.267.241
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	11.198.885.012
15. Chi phí thuế TNDN	534.270.759
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	/
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.664.614.253
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.546

Số lượng hợp đồng tiêu thụ sản phẩm năm 2010 ổn định. Trong sản xuất kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu, kể cả nguyên liệu nhập khẩu, bảo đảm định mức kỹ thuật, giữ vững và nâng cao chất lượng sản phẩm, đặt biệt là các mặt hàng có giá trị gia tăng.

Tổ chức sản xuất thêm mặt hàng tôm gia công để tận dụng công suất sản xuất .

Giải quyết tốt động lực chính trong sản xuất là người lao động. Trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty đã từng bước tăng lương phù hợp với thực tế giá cả thị trường nhằm bảo đảm đời sống cho CBCN trong Công ty.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được :

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức quản lý, chính sách :

Về nguyên liệu: Tập trung mua và dự trữ nhiều nhất nguyên liệu khi điều kiện cho phép, đồng thời tiếp tục thực hiện việc thay đổi về phương thức thu mua, đây là vấn đề quan trọng để bảo đảm nguyên liệu sản xuất và chất lượng sản phẩm.

Kiên trì thực hiện chủ trương nhập khẩu nguyên liệu, điều đó đã góp phần quan trọng cho sự thành công của Công ty , vì có đủ nguyên liệu sản xuất thì bảo đảm được việc làm cho CBCN, bảo đảm yêu cầu của khách hàng, tăng hiệu quả cho công ty.

Về chính sách đối với người lao động: tập trung giữ vững số lao động hiện có trên cơ sở từng bước tăng lương, bảo đảm đời sống, việc làm. Mức tăng đơn giá tiền lương bình quân năm 2010 là 17,5%. Đối với những khu vực sản xuất yêu cầu công nhân tay nghề cao mức tăng đến 25%.

- Các biện pháp kiểm soát : định kỳ hàng quý Ban kiểm soát đã triển khai kiểm soát chứng từ kế toán, kịp thời phát hiện điều chỉnh những thiếu sót trong quá trình hành tự.

IV. Báo cáo tài chính (có báo cáo tài chính kiểm toán kèm theo)

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán :

1. Kiểm toán độc lập :

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC).

- Ý kiến kiểm toán độc lập : Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cafico Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

2. Kiểm toán nội bộ :

Ý kiến của ban kiểm soát :

Mọi hoạt động của Công ty thực hiện đúng Điều lệ công ty và đúng pháp luật.

Các cơ sở: Xí nghiệp thực phẩm, Trung tâm dịch vụ thủy sản Đá Bạc, xưởng nước đá Ba Ngòi đã làm tốt việc lập sổ sách theo dõi chứng từ đúng quy định, quan tâm đến công tác quản lý các định mức kinh tế kỹ thuật, có ý thức tiết kiệm chung trong toàn đơn vị.

Việc xây dựng thực hiện quy chế đúng Điều lệ Công ty và pháp luật Nhà nước.

Việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ sách hợp pháp, đúng quy định.

Tổ chức tốt công tác kiểm kê, đánh giá tài sản cuối năm :

Đối với vật tư, nhiên vật liệu, tài sản : số lượng sổ sách đúng với thực tế, mức dự trữ ở mức thấp nhất, bảo đảm chất lượng;

Thành phẩm đông lạnh tồn kho: số lượng thực tế đúng với sổ sách, đạt chất lượng, giá trị tồn kho hợp lý bảo đảm an toàn khi tiêu thụ;

Việc tổng hợp các số liệu chi tiết, lên cân đối tài khoản đúng và chính xác;

Phân bổ chi phí, kết chuyển chi phí hợp lý đúng đối tượng;

Biểu mẫu báo cáo, báo cáo tài chính đúng quy định.

VI. Các Công ty có liên quan :

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần : *(không có)*

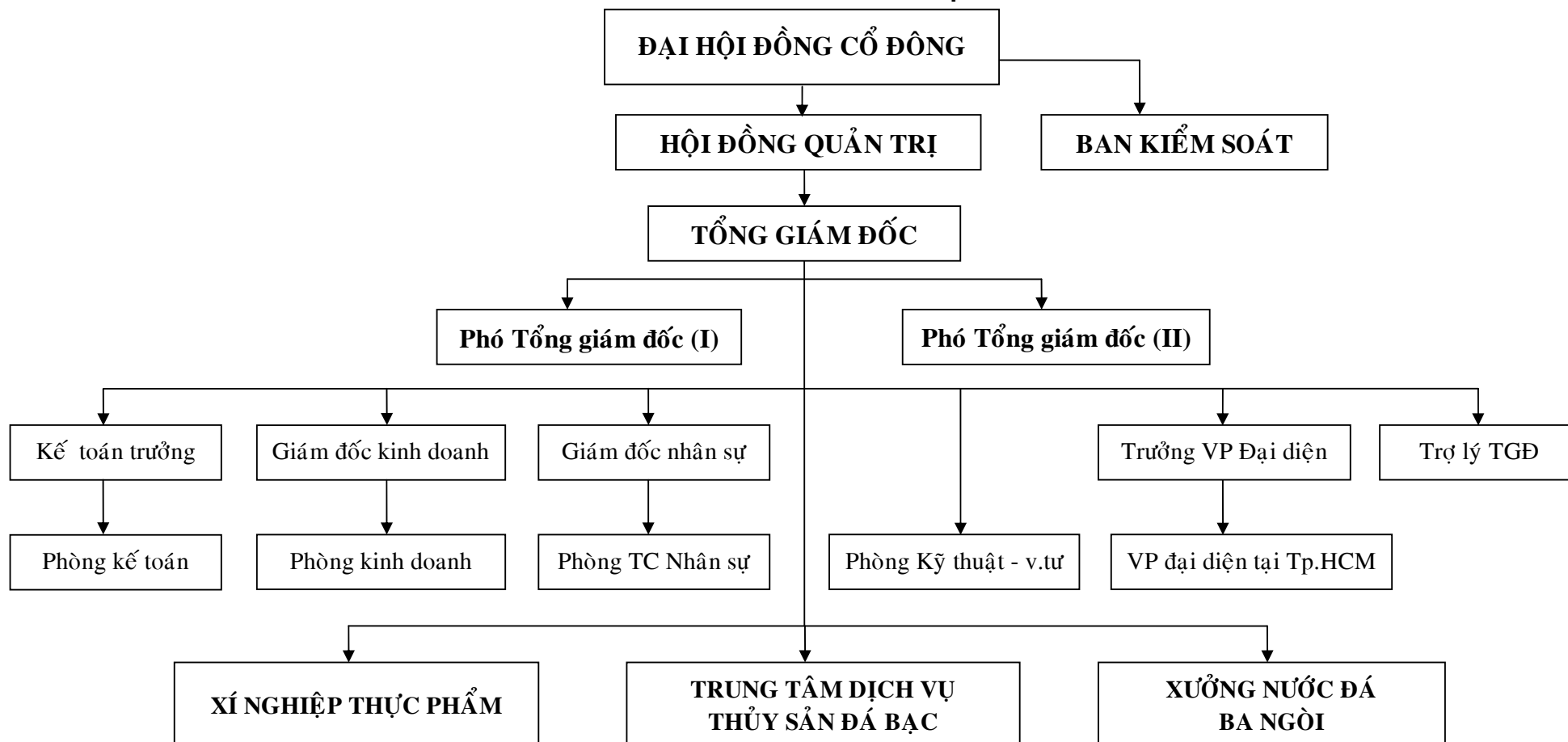
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần : *(không có)*

- Tình hình đầu tư vào các Công ty có liên quan: *(không có)*

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan : *(không có)*.

VII. Tổ chức và nhân sự :

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM**



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành : (*Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng*) .

. Ông **Nguyễn Quang Tuyên**, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc.

Họ và tên:	NGUYỄN QUANG TUYÊN
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12.09.1962
Nơi sinh:	Hàm Tân, Bình Thuận
CMND số : 024335410	Ngày cấp : 20.04.2005, tại CA Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Chợ Mới, An Giang.
Địa chỉ thường trú:	35 Hoàng Dur Khương, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(058) 3854311
Trình độ học vấn :	Đại học
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế.
Quá trình công tác:	
06.1984 – 08.1985 :	Trưởng Phòng kế hoạch Công ty thủy sản Cam Ranh.
09.1985 – 08.1991 :	Phó Giám đốc Công ty thủy sản Cam Ranh.
09.1991 – 10.2001 :	Giám đốc Công ty thủy sản Cam Ranh.
11.2001 – 04.2007 :	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Cam Ranh.
05.2007 đến nay :	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.
Số cổ phần nắm giữ :	186.400 cổ phần.
Hành vi vi phạm pháp luật:	(Không)

Nợ với Công ty : (Không)

Giữ chức vụ ở doanh nghiệp khác: (Không)

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: (Không)

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: (Không)

Cổ phần nắm giữ: 186.400 cổ phần (100% cổ phần nắm giữ là cổ phần cá nhân)

. Bà **Lê Thị Ngọc Lan**, thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc I.

Họ và tên: LÊ THỊ NGỌC LAN

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 21.11.1961

Nơi sinh: Diên Khánh, Khánh Hòa.

CMND số : 220071597 Ngày cấp : 30.10.2008, tại CA Khánh Hòa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Diên Khánh, Khánh Hòa.

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Lộ, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (058) 3950676

Trình độ học vấn : Đại học.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản.

Quá trình công tác:

12.1984 – 03. 1986 : Phó Phòng Kế hoạch Công ty thủy sản Cam Ranh.

04.1986 – 11.1992 : Trưởng Phòng Kỹ thuật ; Quản đốc Nhà máy đông lạnh Công ty thủy sản Cam Ranh.

12.1992 – 10.2001 : Phó giám đốc Công ty thủy sản Cam Ranh.

11.2001 – 04.2007 : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Cam Ranh.

05.2007 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị , Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty .

Số cổ phần nắm giữ : 48.000 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: *(Không)*

Nợ với Công ty : *(Không)*

Giữ chức vụ ở doanh nghiệp khác : *(Không)*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : *(Không)*.

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: *(Không)* .

Cổ phần nắm giữ: 48.000 cổ phần (100% cổ phần nắm giữ là cổ phần cá nhân)

. Ông **ĐỖ TRI**, Phó tổng giám đốc II.

Họ và tên: ĐỖ TRI

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10.4.1961

CMND số : 220779205 Ngày cấp : 28.8.2002, tại CA Khánh Hòa

Nơi sinh: Mộ Đức, Quang Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đức Tân, Mộ Đức, Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Lộ, TX Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (058) 3854315

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí thủy sản

Quá trình công tác:

02.1990 – 05.1990 : Cán bộ kỹ thuật vận hành Nhà máy đông lạnh thuộc Cty thủy sản Cam Ranh.

06.1990 – 08.1999 : Phó quản đốc Nhà máy đông lạnh – Cty thủy sản Cam Ranh.

09. 1999 – 10.2001 : Trưởng Phòng kỹ thuật Cty thủy sản Cam Ranh.

11.2001 – 1.2005 : Trưởng Phòng kỹ thuật Cty cổ phần thủy sản Cam Ranh.

02.2005 – 04.2007 : Thành viên Ban Kiểm soát, Phó giám đốc Cty cổ phần thủy sản Cam Ranh.

05.2007 đến nay : Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng giám đốc Công ty.

Số cổ phần nắm giữ 12.800 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: *(Không)*

Nợ với Công ty : *(Không)*

Giữ chức vụ ở doanh nghiệp khác : *(Không)*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : *(Không)*

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: *(Không)*

Cổ phần nắm giữ: 12.800 cổ phần (100% cổ phần nắm giữ là cổ phần cá nhân)

. Bà **Lê Thị Thu Hà**, Kế toán trưởng

Họ và tên: LÊ THỊ THU HÀ

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 26.08.1963

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa

CMND số : 220315931 Ngày cấp : 25.08.1999 tại CA Khánh Hòa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Suối Hiệp, Diên Khánh, Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú: Phường Cam Lộc, Cam Ranh, Khánh Hòa

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: 058 3854312

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

6.1986 - 3.1993 : Kế toán viên Công ty Thủy sản Cam Ranh

4.1993 -10.2001 : Phó phòng kế toán Công ty Thủy Sản CamRanh.

11.2001 - 4.2007 : Phó phòng kế toán Công ty cổ phần Thủy sản Cam Ranh

5.2007 - 4.2008 : Phó phòng kế toán Công ty cổ phần Cafico Việt Nam

5.2008 – nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cafico Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng công ty

Số cổ phần nắm giữ : *(không)*

Hành vi vi phạm pháp luật: *(Không)*

Nợ với Công ty : *(Không)*

Giữ chức vụ ở doanh nghiệp khác : *(Không)*

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : *(Không)*

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: *(Không)*

- Quyền lợi của Ban giám đốc :
 Tiền lương : Được trả thành 2 phần, lương cố định hàng tháng và lương tính theo hiệu quả sản xuất kinh doanh hàng năm.
 Lương cố định hàng tháng :
 - Tổng giám đốc : 24.000.000đ/tháng
 - Phó tổng giám đốc : 16.000.000đ/tháng
- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động :
 - + Tổng số CBCN trong Công ty (có đến ngày 31.12.2010): 481 người
 Trong đó, nam : 97 người; nữ : 384 người.
 - + Chính sách đối với người lao động : thực hiện trả lương theo phương thức khoán sản phẩm.
 Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH, BHYT, BHTN và BHTT cho cán bộ công nhân.
 + Thay đổi thành viên HĐQT/Chủ tịch, Ban giám đốc (không có).

VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty :

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát :
 - Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị :
 Số thành viên : 5 người; số thành viên không điều hành : 01 người.
 - Hoạt động của Hội đồng quản trị :
 Trong năm 2010 đã thực hiện 8 phiên họp (5 phiên họp thường kỳ, 3 phiên họp bất thường) để giải quyết các vấn đề có liên quan đến SXKD. Hội đồng quản trị làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm, luôn tuân thủ nguyên tắc và quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
 - Hoạt động của Ban kiểm soát :
 Trong năm 2010 đã tổ chức 6 phiên họp, trong đó có 5 phiên họp kết luận về kiểm soát công tác tài chính .
 Ban kiểm soát làm việc nghiêm túc, đúng nguyên tắc quy định đã giúp cho Hội đồng quản trị yên tâm điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty :
 Phát huy tính chủ động sáng tạo của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong việc tham gia hoạch định chiến lược của Công ty và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để bảo đảm hiệu quả.
 - Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát :

Hội đồng quản trị	: Chủ tịch	: 2.500.000đ/tháng
	Thành viên	: 2.000.000đ/tháng
Ban kiểm soát	: Trưởng ban	: 2.000.000đ/tháng
	Thành viên	: 1.500.000đ/tháng
- Thù lao được chi trả cho các thành viên theo từng quý.

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

. Thành viên Hội đồng quản trị : 4/5

. Thành viên Ban kiểm soát : 2/3

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN (%)
1	Nguyễn Quang Tuyền	Chủ tịch	11,44
2	Võ Văn Sáu	Thành viên	11,36
3	Lê Thị Ngọc Lan	Thành viên	02,95
4	Trương Lên	Thành viên	02,95
5	Lê Thanh Hóa	Thành viên	01,84

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng trên : (không có)

2. Dữ liệu thống kê về cổ đông : (Theo danh sách cổ đông được hưởng quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 14 tháng 2 năm 2011)

2.1. Cổ đông trong nước :

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông :

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (đồng)	TỶ LỆ (%)
1	Nhà nước	0	0	0	0
2	Trong Công ty	44	680.730	6.807.300.000	41,79
2.1	Pháp nhân	0	0	0	0
2.2	Thể nhân	44	680.730	6.807.300.000	41,79
3	Ngoài Công ty	103	927.090	9.270.900.000	56,91
3.1	Pháp nhân	0	0	0	0
3.2	Thể nhân	103	927.090	9.270.900.000	56,91
	Tổng cộng	147	1.607.820	16.078.200.000	98,69

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn (5% vốn cổ phần trở lên)

HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	NGHỀ NGHIỆP CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (đồng)	TỶ LỆ (%)
Nguyễn Quang Tuyên	Phường 12, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh	Tổng giám đốc	186.400	1.864.000.000	11,44
Võ Văn Sáu	Cam Lợi, Cam Ranh, Khánh Hòa	Buôn bán hải sản	185.120	1.851.200.000	11,36
Huỳnh Thị Điềm	Ba Ngòi, Cam Ranh, Khánh Hòa	Buôn bán nước đá	108.320	1.083.200.000	6,65

2.2 . Cổ đông nước ngoài:

HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	QUỐC TỊCH	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (đồng)	TỶ LỆ (%)
Choi Eun Mi	Majestic Hotel, 1 Đông Khởi,Q1, TP Hồ Chí Minh	Korea	200	2.000.000	0,01
Chun Young Chul	Majestic Hotel, 1 Đông Khởi,Q1, TP Hồ Chí Minh	Korea	3.300	33.000.000	0,20
Jeon Jong Kyu	Majestic Hotel, 1 Đông Khởi,Q1, TP Hồ Chí Minh	Korea	5.800	58.000.000	0,36
Wong Yaw Wa	6 bis Nguyễn Chí Thanh P3,Q10,TP Hồ Chí Minh	Taiwan	12.000	120.000.000	0,74
4 người			21.300	213.000.000	1,31

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :
UBCK nhà nước (báo cáo);
Sở GD&ĐT Hà Nội (báo cáo);
Ban KS Cty (để biết).
Lưu VP/Cty